

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 23./KT

Yên Bái, ngày 19 tháng 01 năm 2022

V/v công bố thông tin

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
2. Mã chứng khoán: CAP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
4. Điện thoại: 02163.862.278 - Fax: 02163.862.804
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Sơn
6. Điện thoại: 0944278586
7. Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ
8. Nội dung công bố thông tin:
 - 8.1. Báo cáo tài chính quý I niên độ 2021-2022 (kỳ kế toán từ 01/10 đến 31/12/2021) của Văn phòng Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp bao gồm:
 - Bảng cân đối kế toán;
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - Bản thuyết minh báo cáo tài chính;
 - 8.2. Nội dung giải trình:
9. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính tại www.yfatuf.com.vn
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Nguyễn Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICUL TURAL AND FOODSTUFFS COMPANY

Address: 279 Nguyen Phuc – Nguyen Phuc Ward – Yen Bai City – Yen Bai Province

Email: Yfatuf@gmail.com

Website: www.yfatuf.com.vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

QUÝ I NIÊN ĐỘ 2021-2022

Kính gửi:.....

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2021)	Số đầu năm (01/10/2021)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		142.470.308.946	100.667.134.097
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	42.867.833.431	78.943.429.566
1. Tiền	111		23.867.833.431	11.843.429.566
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.000.000.000	67.100.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.204.805.433	6.157.233.822
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	7.327.394.911	5.315.931.242
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	308.549.000	370.287.604
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	574.519.072	476.672.526
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(5.657.550)	(5.657.550)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	
IV. Hàng tồn kho	140		90.784.938.347	15.167.059.038
1. Hàng tồn kho	141	V.6	90.784.938.347	15.167.059.038
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		612.731.735	399.411.671
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	612.731.735	399.411.671
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		49.815.309.043	52.018.814.880
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2021)	Số đầu năm (01/10/2021)
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		45.605.742.361	47.842.022.151
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	45.605.742.361	47.842.022.151
- Nguyên giá	222		175.744.098.713	174.704.424.168
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(130.138.356.352)	(126.862.402.017)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	0	-
- Nguyên giá	228		171.000.000	171.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(171.000.000)	(171.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.802.485.365	1.355.035.700
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.802.485.365	1.355.035.700
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.13	2.407.081.317	2.821.757.029
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	2.407.081.317	2.821.757.029
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2021)	Số đầu năm (01/10/2021)
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		192.285.617.989	152.685.948.977
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		87.235.448.209	33.209.388.286
I. Nợ ngắn hạn	310		87.208.598.209	33.182.538.286
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	16.078.076.312	4.027.380.038
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	5.482.277.471	1.412.511.026
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	5.895.625.551	15.063.667.802
4. Phải trả người lao động	314		11.689.511.330	8.514.014.378
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.876.795.938	870.746.323
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	31.837.780.592	1.616.744.271
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		9.621.437.633	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	4.727.093.382	1.677.474.448
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		26.850.000	26.850.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	25.000.000	25.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-

11/5/15 + 5/5/012

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2021)	Số đầu năm (01/10/2021)
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		105.050.169.780	119.476.560.691
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	105.050.169.780	119.476.560.691
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.360.230.000	52.360.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.360.230.000	52.360.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.187.651.245	8.042.628.692
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.179.227.864	58.750.641.328
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		26.272.902.288	1.499.513.698
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.906.325.576	57.251.127.630
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		192.285.617.989	152.685.948.977

Người lập biểu



Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Sơn



Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Giám đốc

Lê Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

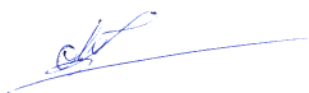
03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Quý I niên độ 2021-2022 (từ 01/10-31/12/2021)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ I NIÊN ĐỘ 2021-2022		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay (01/10-31/12/2021)	Năm trước (01/10-31/12/2020)	Năm nay (01/10-31/12/2021)	Năm trước (01/10-31/12/2020)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	165.298.580.147	152.459.405.944	165.298.580.147	152.459.405.944
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	579.496.100	0	579.496.100
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	VI.1	165.298.580.147	151.879.909.844	165.298.580.147	151.879.909.844
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	131.740.114.979	124.594.786.460	131.740.114.979	124.594.786.460
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		33.558.465.168	27.285.123.384	33.558.465.168	27.285.123.384
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	822.744.759	281.945.428	822.744.759	281.945.428
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	155.383.009	124.340.377	155.383.009	124.340.377
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.890.400	76.294.182	1.890.400	76.294.182
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.377.890.998	2.509.517.519	5.377.890.998	2.509.517.519
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.562.425.268	6.300.451.399	6.562.425.268	6.300.451.399
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.285.510.652	18.632.759.517	22.285.510.652	18.632.759.517
11. Thu nhập khác	31	VI.7	0	0	0	0
12. Chi phí khác	32	VI.8	472.132.983	2.549.990	472.132.983	2.549.990
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(472.132.983)	(2.549.990)	(472.132.983)	(2.549.990)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		21.813.377.669	18.630.209.527	21.813.377.669	18.630.209.527
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	4.907.052.093	2.407.700.106	4.907.052.093	2.407.700.106
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				0	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		16.906.325.576	16.222.509.421	16.906.325.576	16.222.509.421
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	3.229	3.098	3.229	3.098

Người lập biểu



Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Sơn

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp) (*)***Quý I niên độ 2021-2022 (từ 01/10-31/12/2021)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10-31/12/2021)	Năm trước (01/10-31/12/2020)
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.813.377.669	18.630.209.527
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.275.954.335	2.520.676.827
- Các khoản dự phòng	03		9.621.437.633	954.377.877
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		112.022.633	31.772.929
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		667.361.750	157.605.051
- Chi phí lãi vay	06		1.890.400	76.294.182
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		35.492.044.420	22.370.936.393
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.047.571.611)	8.454.209.348
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(75.617.879.309)	(45.609.455.746)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.920.248.508	17.181.791.405
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		201.355.648	(482.483.213)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.890.400)	(76.294.182)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.559.368.671)	(2.975.152.461)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(957.960.000)	(599.110.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(35.571.021.415)	(1.735.558.456)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.039.674.545)	(11.520.229.194)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10-31/12/2021)	Năm trước (01/10-31/12/2020)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		594.097.247	281.322.708
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(445.577.298)	(11.238.906.486)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	40.528.422.410
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	(2.230.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		0	38.298.422.410
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(36.016.598.713)	25.323.957.468
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		78.943.429.566	39.632.790.637
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(58.997.422)	(15.644.532)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		42.867.833.431	64.941.103.573

Người lập biểu



Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I niên độ 2021-2022 (Từ 01/10/2021-30/09/2022)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
 - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
 - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
 - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Cấu trúc doanh nghiệp:**
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:
Bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau.
Theo nghị quyết Đại hội Đồng Cổ Đông năm 2018 riêng năm tài chính đầu 2019 của việc chuyển đổi được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Văn Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

200
:OP
Ô
1 N
IUC
Ê
BÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2021 : 22.650 VND/USD

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuận của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phát sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Cuối kỳ (31/12)	Đầu năm (01/10)		
Tiền mặt		1.402.779.962	1.704.813.349		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		22.465.053.469	10.138.616.217		
Các khoản tương đương tiền		19.000.000.000	67.100.000.000		
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống</i>					
Cộng		42.867.833.431	78.943.429.566		
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		Cuối kỳ		Đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn khác		0	0	0	0
Cộng		0	0	0	0
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		Cuối kỳ (31/12)	Đầu năm (01/10)		
Công ty TNHH Giấy xuất khẩu Thái Bình		858.373.059	199.633.059		
Công ty TNHH MTV TM và gia công Trung Tín		189.665.350	205.625.140		
HTX tiểu thủ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Dũng Thành Phát		0	484.182.240		
Công ty TNHH một thành viên QUAN - JIA		0	276.135.277		
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD		3.508.258.500	3.086.746.350		
Công ty TNHH JIN TAIR UANTARNG CO.,LTD		2.135.895.000	515.402.100		
Khách hàng khác		635.203.002	548.207.076		
Cộng		7.327.394.911	5.315.931.242		
4. Trả trước cho người bán ngắn		Cuối kỳ (31/12)	Đầu năm (01/10)		
Công ty cổ phần tư vấn quy hoạch và PT công nghệ Á Châu		75.000.000	75.000.000		
Công ty cổ phần may xuất khẩu Yên Bái		0	96.200.000		
Công ty cổ phần GEA Việt		78.000.000	78.000.000		
Công ty TNHH tư vấn đầu tư nhật minh Yên Bái		100.000.000	100.000.000		
Khách hàng khác		55.549.000	21.087.604		
Cộng		308.549.000	370.287.604		
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		Cuối kỳ (31/12)		Đầu năm (01/10)	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan		0		-	
Phải thu Ban lãnh đạo-Tiền tạm ứng		0		-	
Bảo Hiểm xã hội phải thu CNV		-		-	
Tiền điện thoại phải thu cá nhân		-		-	
Phải thu các tổ chức cá nhân khác		574.519.072		476.672.526	
Thuế TNCN phải thu của NLD		40.041.084		9.933.880	
Tạm ứng		457.419.500		337.305.878	
Phải thu lãi tiền gửi		33.698.630		102.867.671	
Các khoản phải thu khác		43.359.858		26.565.097	
Cộng		574.519.072		476.672.526	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		Nợ phải thu, cho vay ngắn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(5.657.550)			-
Trích lập dự phòng bổ sung				-
Giảm do thu hồi được nợ		-		-
Số cuối kỳ		-		(5.657.550)

7. Hàng tồn kho	Cuối kỳ (31/12)		Đầu năm (01/10)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu;	12.622.519.219		10.504.120.663	
Chi phí sản xuất KD dở dang;	2.736.670.007		2.062.836.822	
Thành phẩm;	74.826.712.728	-	2.600.101.553	
Hàng gửi đi bán;	599.036.393		0	
Cộng	90.784.938.347	-	15.167.059.038	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
CP Phụ tùng thay thế, sửa chữa tại NM sản	68.040.000	0
Tiền chi phí cắt cùi nhà máy sản VY	60.225.000	102.303.600
Công cụ dụng cụ	484.466.735	297.108.071
Cộng	612.731.735	399.411.671

9. Chi phí trả trước dài hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí bảo trì phần mềm, sửa xe và bảo hiểm	47.272.138	47.052.737
- Chi phí sửa chữa đường ống nước thải và mái nhà xưởng tại Yên Bình	105.753.500	132.191.875
- Cải tạo khu tập thể NM giấy Yên Bình	296.506.364	345.924.091
- Chi phí Sửa chữa nhà cửa VKT tại Phú Thịnh	417.544.649	486.870.740
- Phí khai thác nước mặt, sửa chữa đường dây điện 35 Kw tại Yên Hợp	222.774.332	252.884.056
- Phí khai thác nước mặt và sửa chữa hệ thống nước thải tại Minh Quân	84.051.326	107.695.919
- Công cụ dụng cụ tại NM sản Văn Yên	78.145.234	99.457.573
- Cải tạo nhà cửa VKT NM sản Văn Yên	257.933.736	303.451.450
- Sửa chữa đường vào dây 2 và đường nội bộ NM sản	731.470.909	853.382.727
- Sửa chữa TBA 1250 KVA-NM sản	86.841.250	104.209.500
- Lập hồ sơ cấp giấy phép xả thải Yên Bình, Yên Hợp, Văn Chấn	78.787.879	88.636.361
Cộng	2.407.081.315	2.821.757.029

10. Phải thu dài hạn khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế của nhà thầu nước ngoài	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0

12/2022 T M C 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	69.827.457.559	97.020.576.855	6.975.048.349	271.871.369	609.470.036	174.704.424.168
Tăng trong kỳ	-	747.010.909	292.663.636	-	-	1.039.674.545
-Do mua sắm mới		747.010.909	292.663.636			1.039.674.545
-Do phân loại TSCĐ						
-Do XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC						
- Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối kỳ	69.827.457.559	97.767.587.764	7.267.711.985	271.871.369	609.470.036	175.744.098.713

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn SD

97.145.993.931

Giá trị hao mòn

Số đầu năm

126.862.402.017

- Tăng do trích khấu hao trong kỳ

205.635.874

3.275.954.335

- Tăng do điều chỉnh phân loại

15.285.114

Giảm trong kỳ

-

- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC

-

- Thanh lý, nhượng bán

-

Số cuối kỳ

130.138.356.352

Giá trị còn lại

47.842.022.151

Số đầu năm

47.842.022.151

Số cuối kỳ

45.605.742.361

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

- Là phần mềm kế toán cũ năm 2006 đã được thanh lý và thay thế phần mềm kế toán FAST II đưa vào sử dụng từ 01/01/2018

	Nguyên giá	Giá trị KH kỳ	Giá trị đã KH	Giá trị còn lại
Phần mềm Kế toán	171.000.000	0	171.000.000	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	1.355.035.700	0	0	0	1.355.035.700
- Giải phóng mặt bằng mở rộng nhà máy sản Văn Yên số 2	1.042.535.700	0			1.042.535.700
- Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Minh Quân	312.500.000	0	0	0	312.500.000
Sửa chữa lớn TSCĐ	0	447.449.665	0	0	447.449.665
- Nhà máy giấy Yên Bình		167.216.794			167.216.794
- Nhà máy giấy Văn Chấn		51.070.938			51.070.938
- Nhà máy giấy Minh Quân		13.481.712			13.481.712
- Nhà máy giấy Yên Hợp		62.538.057			62.538.057
- Nhà máy sản Văn Yên		153.142.164			153.142.164
Cộng	1.355.035.700	447.449.665	0	0	1.802.485.365

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH An Hoa	386.100.000	448.800.000
Công ty cổ phần Đông á	859.681.570	440.254.430
Công ty cổ phần Quốc Tế Thanh Bình	276.623.000	199.650.000
Công ty cổ phần Thăng Huy	354.496.904	300.300.000
Công ty TNHH TM Phùng Hưng	100.010.900	301.150.300
Công ty TNHH TM Hóa chất Ngọc Diệp	385.642.763	193.427.785
Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC	522.511.440	400.872.120
Công ty TNHH Vi Toàn	0	269.676.000
Nguyễn Trường Giang	227.582.000	0
Phạm Duy Minh	245.047.800	0
Bàn Thị Hằng	342.651.500	0
Triệu Văn Lâm	219.166.600	0
Nguyễn Duyên Thành	746.091.700	0
Nguyễn Thị Kim Oanh	284.401.100	0
Nguyễn Thị Liên	209.818.800	0
Trần Thị Nghiệp	575.400.000	0
Ngô Thị Phương	944.588.900	0
Nguyễn Thị Quỳnh	1.807.284.000	0
Đặng Thiết Hùng	440.462.600	0
Trần Văn Chi	141.842.200	0
Trần Văn Thảo	1.566.241.500	0
Vũ Thị Mua	265.616.900	0
Vũ Thị Hằng	384.076.800	0
Bùi Văn Thiêm	2.211.954.300	0
Các nhà cung cấp khác	2.580.783.035	1.473.249.403
Cộng	16.078.076.312	4.027.380.038

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Giang Biên	238.796.145	418.552.635
Công ty TNHH một thành viên nông sản Đông Hưng	324.390.138	192.965.888
HTX tiểu thủ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Đức Thành Phát	420.874.520	273.412.290
Công ty TNHH XNK Quảng Phát	1.448.980.000	114.600.000
Công ty cổ phần Bình Thiên Phú	59.394.520	148.594.200
Công ty TNHH TM XNK và xây dựng Hưng Hiệp	1.366.860.000	0
Công ty TNHH Thương Mại Hải Ngọc	750.200.000	0
Công Ty TNHH đầu tư TM và XNK Ngọc Việt	435.783.900	0
Các khách hàng khác	436.998.248	264.386.013
Cộng	5.482.277.471	1.412.511.026

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp	Đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11.997.768.696	4.094.691.170	15.574.024.391	518.435.475
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	0	0	0
Thuế nhập khẩu	0	0	0	0
Thuế TNDN	3.053.062.766	4.907.052.093	3.053.062.766	4.907.052.093
Thuế thu nhập cá nhân	0	214.102.079	214.102.079	0
Thuế tài nguyên	12.836.340	46.934.370	59.770.710	0
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	399.881.699	399.881.699	0
Các loại thuế khác	0	476.437.983	6.300.000	470.137.983
Cộng	15.063.667.802	10.139.099.394	19.307.141.645	5.895.625.551

17. Chi phí phải trả ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
Phí bảo vệ môi trường rừng, thuế tài nguyên	49.096.391	198.730.582
Bảo hộ lao động	174.626.311	0
Tiền thuê đất năm 2021(YH; YB; Sản 2; VP)	0	452.892.084
Chi phí tiền điện	507.827.729	164.123.657
Chi phí quản lý vùng nguyên liệu sản	268.559.940	0
Tiền hỗ trợ thu mua NL đại lý sản	391.535.320	0
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	485.150.247	55.000.000
Cộng	1.876.795.938	870.746.323

18. Phải trả ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	173.766.392	147.275.558
Bảo hiểm xã hội	0	791.880.959
Tiền thưởng BLĐ Cty theo NQ ĐHCĐ 2021	1.145.022.553	0
Tiền cổ tức niên độ 2020-2021(bằng tiền)	26.180.115.000	0
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.594.600.000	460.000.000
Tiền Tiết kiệm vật tư	333.178.173	0
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	411.098.474	217.587.754
Cộng	31.837.780.592	1.616.744.271

19. Vay, nợ thuê TC ngắn hạn	Đầu năm		Cuối kỳ	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn NH Bidv YBái	0	0	0	0
Vay ngắn hạn NH Vietin Bank YBái	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:**

	Đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn NH Bidv YBái	0	0	0	0
Vay ngắn hạn NH Vietin Bank YBái		0	0	0
	0	0	0	0

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Sửa chữa lớn, nhà cửa VKT các đơn vị	1.089.437.633	0
Lương bổ sung niên độ 2021-2022	2.400.000.000	0
Sửa chữa MMTB các nhà máy sản xuất giấy	3.150.000.000	0
Sửa chữa MMTB, hồ bioga2 Nhà máy sản	2.982.000.000	0
Cộng	9.621.437.633	0

21. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Đầu năm	Tăng do PP từ LN	Chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	0	4.007.578.934	0	4.007.578.934
Quỹ phúc lợi	1.677.474.448	0	957.960.000	719.514.448
	1.677.474.448	4.007.578.934	957.960.000	4.727.093.382

22. Phải trả người bán dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc	1.850.000	1.850.000
Cộng	1.850.000	1.850.000

23. Phải trả dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Ông Hà Xuân Quảng	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường	20.000.000	20.000.000
Cộng	25.000.000	25.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

24 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a, Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	52.360.230.000	323.060.671	2.019.361.390	31.177.343.286	85.879.995.347
Lợi nhuận trong kỳ				57.251.127.630	57.251.127.630
Trích lập các quỹ trong kỳ			6.023.267.302	(8.432.574.223)	(2.409.306.921)
Tăng vốn ĐL từ LN CPP			-	-	-
Tăng vốn ĐL từ các quỹ			-	(20.944.092.000)	(20.944.092.000)
Chi cổ tức				(301.163.365)	(301.163.365)
Thường Ban lãnh đạo				-	-
Số dư cuối năm trước	52.360.230.000	323.060.671	8.042.628.692	58.750.641.328	119.476.560.691
Số dư đầu năm nay	52.360.230.000	323.060.671	8.042.628.692	58.750.641.328	119.476.560.691
Lợi nhuận trong kỳ				16.906.325.576	16.906.325.576
Trích lập các quỹ trong kỳ			1.145.022.553	(5.152.601.487)	(4.007.578.934)
Tăng vốn ĐL từ LN CPP				(26.180.115.000)	(26.180.115.000)
Chi cổ tức bằng tiền (50%)				(1.145.022.553)	(1.145.022.553)
Thường Ban lãnh đạo				43.179.227.864	43.179.227.864
Số dư cuối năm nay	52.360.230.000	323.060.671	9.187.651.245	43.179.227.864	105.050.169.780

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	52.360.230.000	52.360.230.000
Thặng dư vốn cổ phần	323.060.671	323.060.671
Cộng	52.683.290.671	52.683.290.671
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	52.360.230.000	52.360.230.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0
d) Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	5.236.023	5.236.023
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.236.023	5.236.023
+ Cổ phiếu phổ thông	5.236.023	5.236.023
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.236.023	5.236.023
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000	10.000
đ) Cổ tức		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	3.229	10.059
e) Các quỹ của doanh nghiệp:		
- Quỹ đầu tư phát triển;	9.187.651.245	8.042.628.692
25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Cuối năm	Đầu năm
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	4.615.795.098	3.345.791.735
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ngoại tệ các loại: USD	937.214,50	398.621,77

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	165.298.580.147	152.459.405.944
Trong đó: Doanh thu nội địa	84.321.973.199	129.527.090.968
DT xuất khẩu trực tiếp	80.976.606.948	22.932.314.976
- DT Sản phẩm Giấy vàng mã	33.309.911.150	16.702.860.800
Tương đương Tiền USD	1.470.636,25	726.685,26
- DT Sản phẩm Giấy đề XK	7.030.770.798	6.229.454.176
Tương đương Tiền USD	310.409,31	271.022,59
- DT Sản phẩm Tinh bột sắn	40.635.925.000	0
Quy ra USD	1.794.080,57	0
Tổng cộng USD:	3.575.126,13	997.707,85
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	579.496.100
Doanh thu thuần	165.298.580.147	151.879.909.844

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Năm nay

0

Năm trước

579.496.100

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
3. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán;	131.740.114.979	124.594.786.460
	131.740.114.979	124.594.786.460
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	529.730.688	188.190.160
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	228.647.512	59.306.356
- Chiết khấu TT được hưởng	64.366.559	34.448.912
Cộng	822.744.759	281.945.428
5. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	1.890.400	48.046.195
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	153.492.609	76.294.182
	155.383.009	124.340.377
6. Thu nhập khác		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	0	0
Cộng	0	0
7. Chi phí khác		
- Các khoản bị phạt; chậm nộp	472.132.983	2.443.643
- Chi phí thanh lý TSCĐ	0	0
- Chi phí khác	0	106.347
Cộng	472.132.983	2.549.990
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh		
Chi phí nhân viên quản lý	4.552.595.921	3.344.858.322
Chi phí vật liệu quản lý	60.465.226	44.883.630
Chi phí đồ dùng văn phòng	165.331.593	250.721.914
Chi phí khấu hao TSCĐ	241.785.603	107.191.002
Thuế, phí và lệ phí	258.513.402	811.243.440
Chi phí dịch vụ mua ngoài	233.740.240	345.006.470
Chi phí bằng tiền khác	1.049.993.283	1.396.546.621
Cộng	6.562.425.268	6.300.451.399
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Các khoản chi phí bán hàng khác.	5.377.890.998	2.509.517.519
Cộng	5.377.890.998	2.509.517.519

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.400.746.188	2.407.700.106
- Truy thu thuế TNDN theo kết luận của thanh tra thuế	1.506.305.905	0
	4.907.052.093	2.407.700.106

Người lập biểu



Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Sơn



11/11/2022 10:11 AM

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Năm nay	Đơn vị tính: VND						
	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)	Giấy để	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Giấy lẻ + Ván bóc+rác ván	Loại trừ nội bộ
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài		33.219.775.798	33.309.911.150	97.932.118.200	-	836.774.999	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	25.224.569.170	38.184.911.503	29.896.331.188	59.984.991.714	-	(153.290.803.575)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.224.569.170	71.404.687.301	63.206.242.338	157.917.109.914	-	836.774.999	165.298.580.147
Chi phí bộ phận	-	23.548.912.568	31.837.115.806	87.457.627.871	-	-	142.843.656.246
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	9.670.863.230	1.472.795.344	10.474.490.329	-	-	21.618.148.902
Các khoản giảm trừ Doanh thu	-	-	-	-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	822.744.759
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(155.383.009)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	(472.132.983)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	(4.907.052.093)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	16.906.325.576

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Tại Văn phòng Công ty					
	(hoạt động khác)	Giá trị	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Cộng
Số cuối năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	101.209.455.895	11.284.882.897	3.859.379.042	75.901.169.718	30.730.437	192.285.617.989
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(43.222.508.916)	7.982.419.190	1.247.497.938	33.719.589.057	273.002.731	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	57.986.946.979	19.267.302.087	5.106.876.980	109.620.758.775	303.733.168	192.285.617.989
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	(18.355.569.628)	10.610.645.521	3.164.122.885	91.785.518.994	30.730.437	87.235.448.209
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	(18.355.569.628)	10.610.645.521	3.164.122.885	91.785.518.994	30.730.437	87.235.448.209
Số đầu năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	136.126.462.804	10.252.606.785	2.594.296.691	3.681.852.260	30.730.437	152.685.948.977
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(47.595.180.464)	8.112.472.883	1.382.774.738	37.478.943.036	620.989.807	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	88.531.282.340	18.365.079.668	3.977.071.429	41.160.795.296	651.720.244	152.685.948.977
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	16.649.902.113	10.252.606.785	2.594.296.691	3.681.852.260	30.730.437	33.209.388.286
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	16.649.902.113	10.252.606.785	2.594.296.691	3.681.852.260	30.730.437	33.209.388.286

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	84.321.973.199	129.527.090.968
Khu vực xuất khẩu	80.976.606.948	22.932.314.976
Cộng	<u>165.298.580.147</u>	<u>152.459.405.944</u>
	-	-

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	(1.039.674.545)	(11.520.229.194)
Cộng	<u>(1.039.674.545)</u>	<u>(11.520.229.194)</u>

Người lập biểu

Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Sơn

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2022



Lê Long Giang